

Bản án: 108/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 11-6-2019
V/v “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC HÒA, TỈNH LONG AN**

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tài

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Chí Lin.
2. Bà Trương Thị Kim Tiến.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Phạm Thị Hồng - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

Ngày 11 tháng 6 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 197/2019/TLST-HNGĐ, ngày 12/3/2019 về việc “ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 114/2019/QĐXXST-HNGĐ, ngày 04/5/2019 và Quyết Định hoãn phiên tòa số 76/2019/QĐ.DS ngày 22/5/2019, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Lâm Thị C, sinh năm 1971, (có mặt).
Địa chỉ: KV A, thị trấn B, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.
2. *Bị đơn:* Ông Võ Văn T, sinh năm 1972, (vắng mặt)
Địa chỉ: KV A, thị trấn B, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 8/3/2019 và tại phiên Tòa, nguyên đơn bà Lâm Thị C trình bày tóm tắt như sau:

Bà và ông Võ Văn T có tìm hiểu nhau sau đó tiến tới hôn nhân, được hai bên tổ chức lễ cưới hồi năm 2002, không có đăng ký kết hôn. Thời gian đầu vợ chồng sống chung hạnh phúc sau đó phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi vã, bà và ông T ly thân từ năm 2018 cho đến nay. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn và cũng không thể hàn gắn nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết xin ly hôn với ông Võ Văn T.

Về con chung và cấp dưỡng nuôi con: Vợ chồng chung sống có 01 con chung tên Võ Anh T, sinh ngày 12/02/2003, hiện đang sống với bà. Khi ly hôn bà yêu cầu tiếp tục nuôi cháu Võ Anh T, bà không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Bà C xác định, tài sản chung bà và ông T không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Bà và ông T không có nợ chung không yêu cầu giải quyết.

Sau khi Tòa án thụ lý vụ án, bị đơn ông Võ Văn T được Tòa án tổng đạt hợp lệ các thông báo thụ lý, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nhưng ông T không có ý kiến trình bày đối với yêu cầu khởi kiện của bà C. Ông T cũng không đến Tòa để tham gia phiên họp kiểm tra chứng cứ và hòa giải. Đối với bà C, bà có đơn đề nghị Tòa án không hòa giải vụ án. Do đó, vụ án được đưa ra xét xử theo quy định của pháp luật.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở trình bày của đương sự, qua thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Bị đơn ông Võ Văn T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa lần thứ 2 mà vẫn vắng mặt. Căn cứ tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về hôn nhân: Bà Lâm Thị C và ông Võ Văn T cưới nhau vào năm 2002, không có đăng ký kết hôn nên hôn nhân của bà C và ông T vi phạm Điều 9 Luật hôn nhân gia đình.

Bà C cho rằng cuộc sống vợ chồng không được hạnh phúc là do ông T không quan tâm chăm sóc gia đình nên mới xin ly hôn. Đối với ông T được tổng đạt hợp lệ các văn bản của Tòa án thể hiện việc bà C yêu cầu xin ly hôn với ông tại Tòa án nhưng ông T không có ý kiến. Tại phiên Tòa bà C cương quyết ly hôn. Xét thấy, ông T và bà C không đăng ký kết hôn, sống chung nhau như vợ chồng và có một con chung, nay phát sinh mâu thuẫn bà C yêu cầu được ly hôn với ông T.

Về quan hệ hôn nhân giữa bà C và ông T không đăng ký kết hôn nay bà C yêu cầu xin ly hôn. Hội đồng xét xử xét thấy không công nhận bà C và ông T là vợ chồng. Bởi lẽ, bà C và ông T không đăng ký kết hôn là không phù hợp với quy định pháp luật nên, quyền lợi về hôn nhân của các bên không được bảo vệ.

[3] Về quyền nuôi con chung: Khi ly hôn bà C yêu cầu được trực tiếp nuôi cháu Võ Anh Thư, sinh ngày 12/02/2003 và không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

Về việc nuôi con ông T không có ý kiến phản hồi về quyền nuôi con và cấp dưỡng nuôi con con, xét thấy bà C hiện đang nuôi cháu Thư khỏe mạnh và phát triển bình thường cháu Thư có bản tự khai muốn sống với mẹ, nên Hội đồng xét xử giao cháu Thư cho bà C tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc.

[4] Về tài sản chung: Bà C xác định bà và ông T không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ông T không có ý kiến gì về tài sản chung và nợ chung giữa các bên. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết vấn đề tài sản chung và nợ chung của bà C và ông T.

Trường hợp sau này các bên có tranh chấp về tài sản chung, nợ chung cũng như quyền nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con thì có quyền khởi kiện bằng vụ án khác.

[5] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà Lâm Thị C phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28 Điều 35, Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Các Điều 9, Điều 14, Điều 16, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 85 và Điều 86 Luật hôn nhân gia đình; Nghị quyết số

326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lâm Thị C đối với ông Võ Văn T.

Về hôn nhân: Không công nhận bà Lâm Thị C và ông Võ Văn T là vợ chồng.

Về quyền nuôi con chung: Bà Lâm Thị C được quyền trực tiếp nuôi cháu Võ Anh Thư, sinh ngày 12/02/2003. Ông Võ Văn T không cấp dưỡng nuôi con.

Cả hai bên đều có quyền và nghĩa vụ đối với con chung, khi cần thiết có thể yêu cầu thay đổi việc nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con chung.

Về án phí: Bà Lâm Thị C phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn, sung ngân sách Nhà nước, được khấu trừ 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu số 0004152, ngày 08/3/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Hoà, tỉnh Long An để thi hành.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án, bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày niêm yết công khai bản án.

“Trường hợp bản án hoặc quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án là 05 năm theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án”.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Long An
- VKSND huyện Đức Hòa
- Chi cục Thi hành án.
- UBND xã An ninh Đông
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Tài

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Long An
- VKSND huyện Đức Hòa
- Chi cục Thi hành án.
- UBND thị trấn Đức Hòa
- Đường sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Tài